CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC

Ngày 28/06/2024	61,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.3%	**52.7%**	**51.0%**

DT thuần
Q2/24
1,793
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 125| 7.5%
YoY: ▲ 22.0| 1.3%

LN thuần
Q2/24
114
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 24.6| 27.9%
YoY: ▲ 5.00| 4.9%

LN sau thuế
Q2/24
97.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 25.9| 36.2%
YoY: ▲ 0.60| 0.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
7.3%
YoY: +/-▲ 1.4%

ROE (TTM)
Q2/24
10.2%
YoY: +/-▼ 0.2%

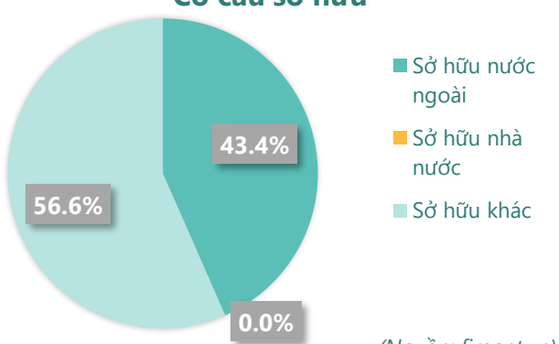
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	34,042 - 70,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,617
Số lượng CPLH (CP)	190,439,296
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,367,815
Sở hữu nước ngoài	43.4%
Beta	1.37
EPS	1,763
P/E	34.6

DT thuần
6T 2024
3,461
tỷ VNĐ
YoY: ▼141| -3.9%

LN thuần
6T 2024
204
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 39.0| 23.8%

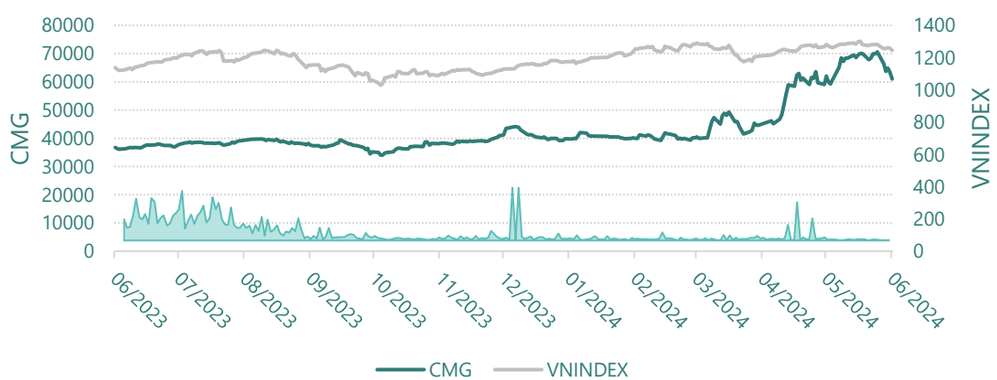
LN sau thuế
6T 2024
169
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.0| 15.6%

Cơ cấu sở hữu

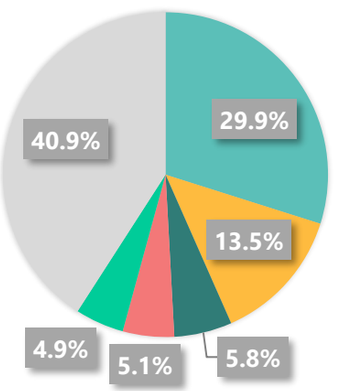


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

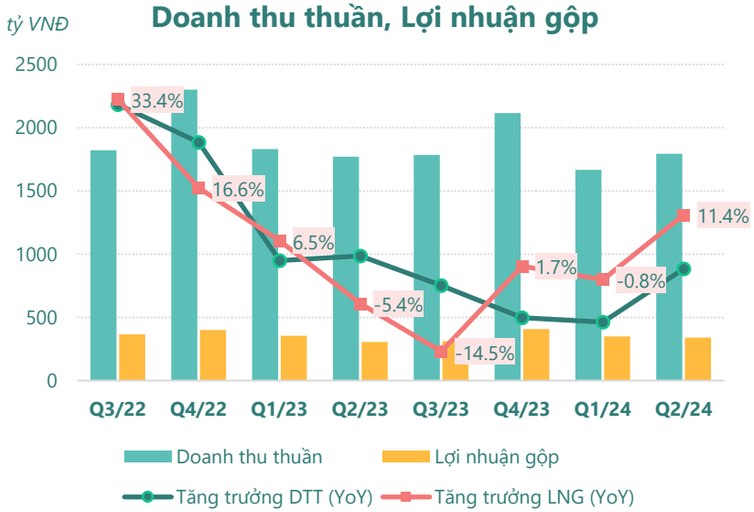


- Samsung SDS Asia Pacific Pte. Ltd
- Công ty TNHH Đầu Tư MVI
- PYN Elite Fund (Non-Ucits)
- Công Ty TNHH Đầu Tư Mỹ Linh
- Tập đoàn Geleximco - CTCP
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

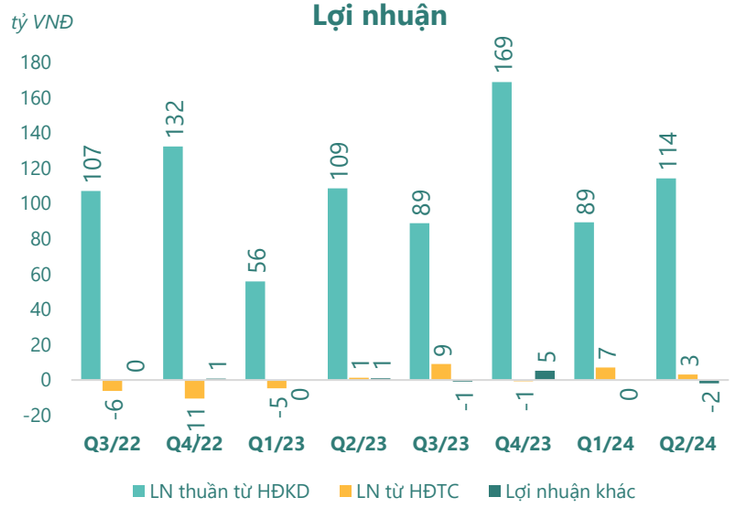
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



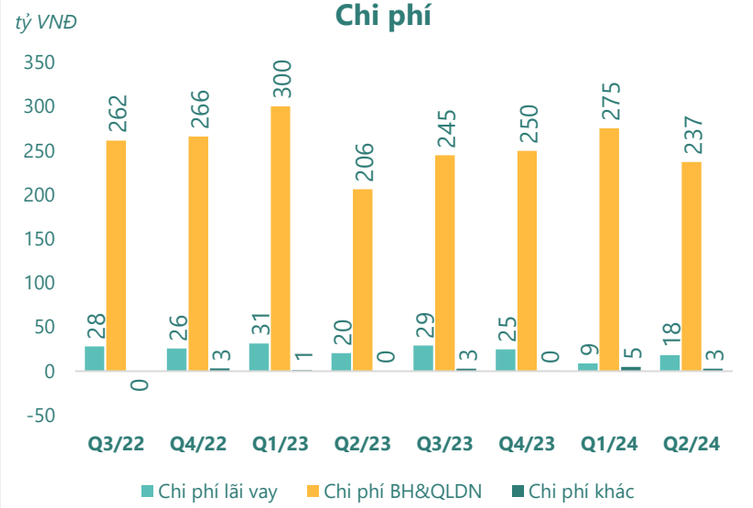
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



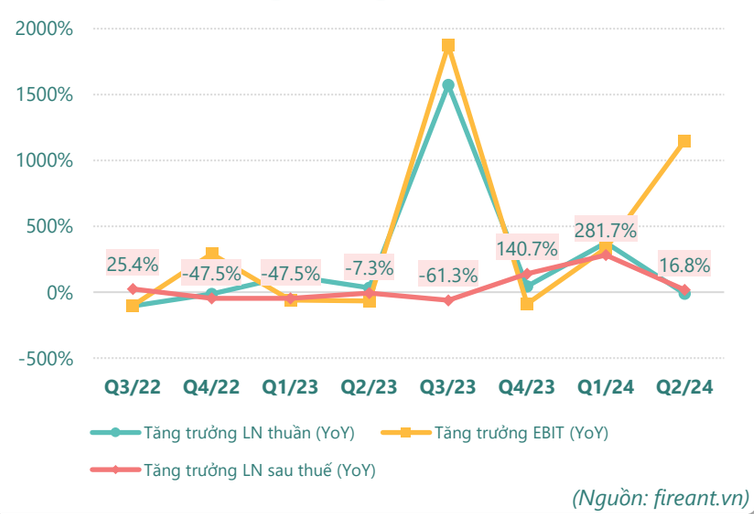
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



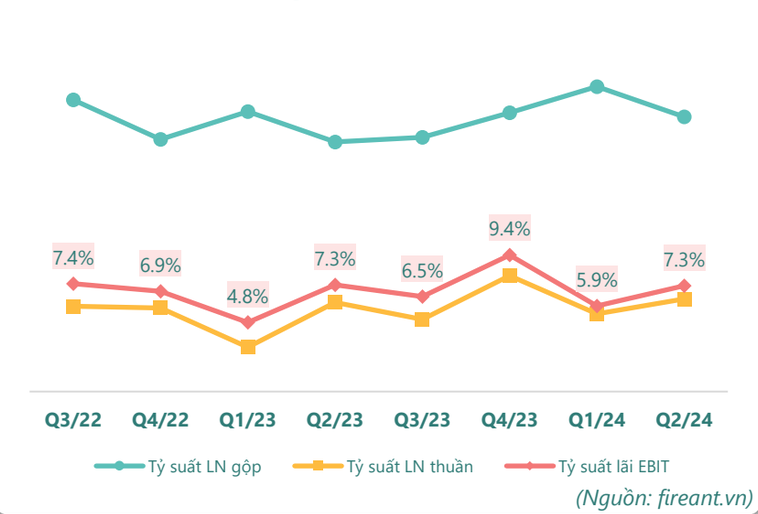
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



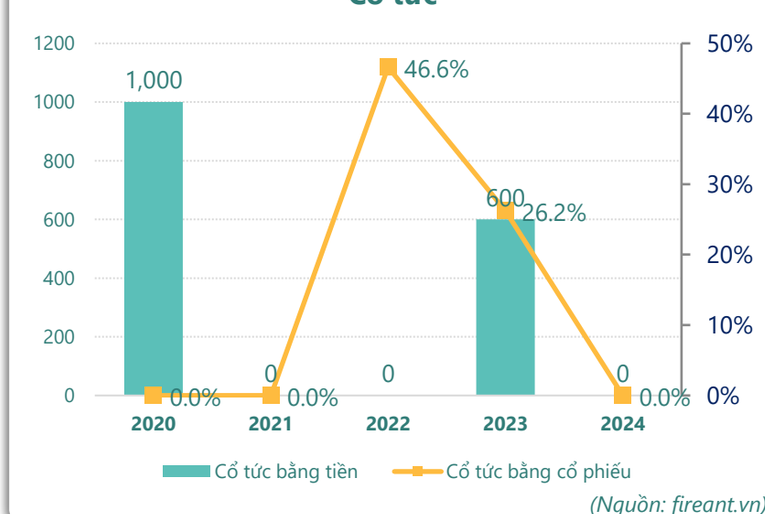
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

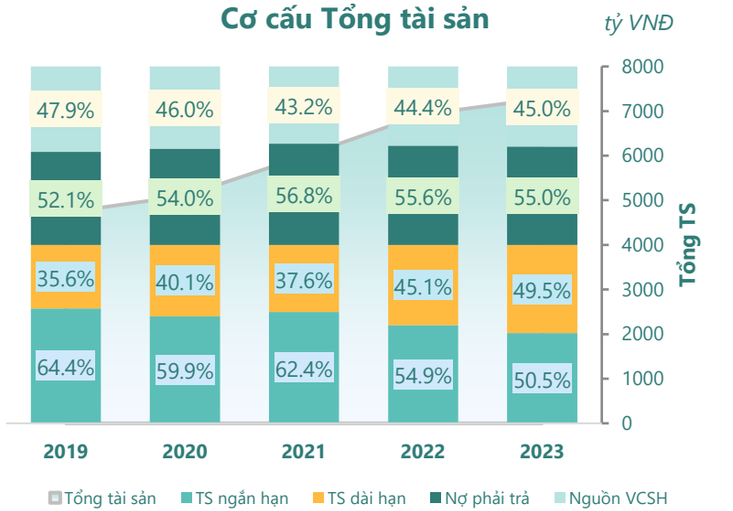
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

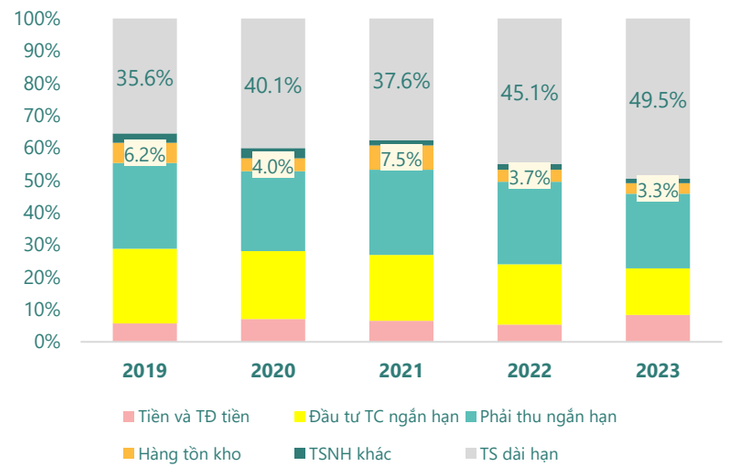
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



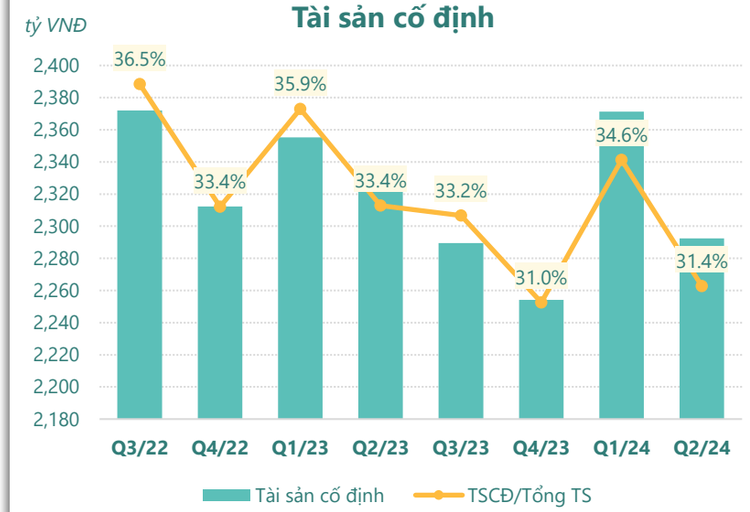
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



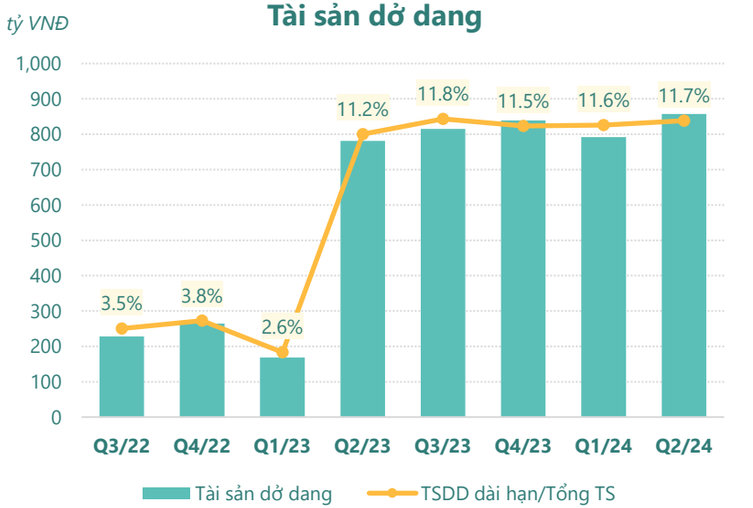
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



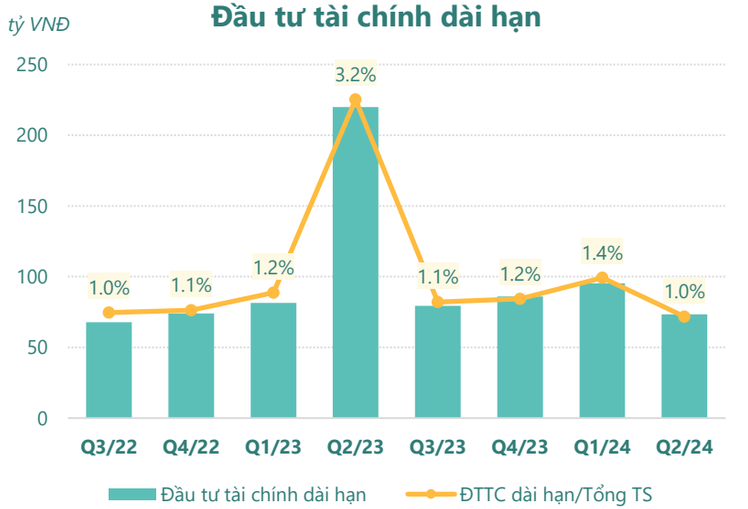
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



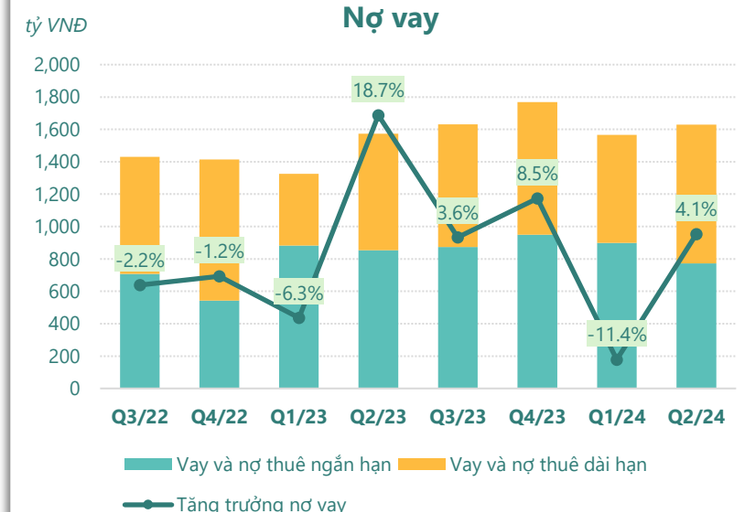
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

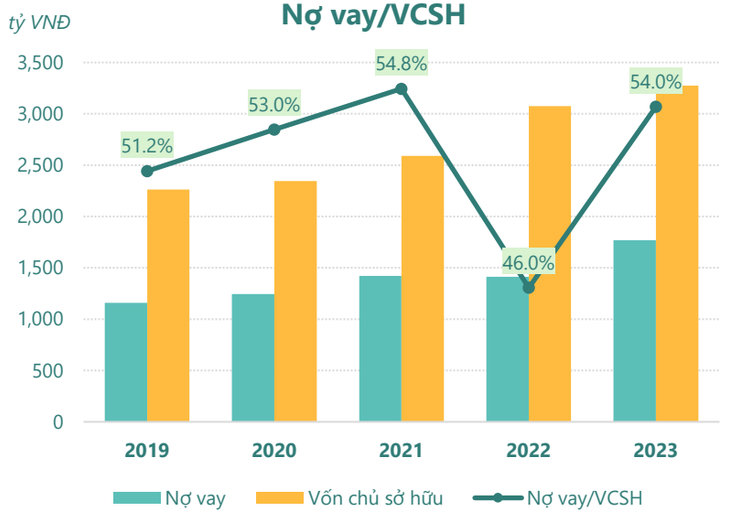
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

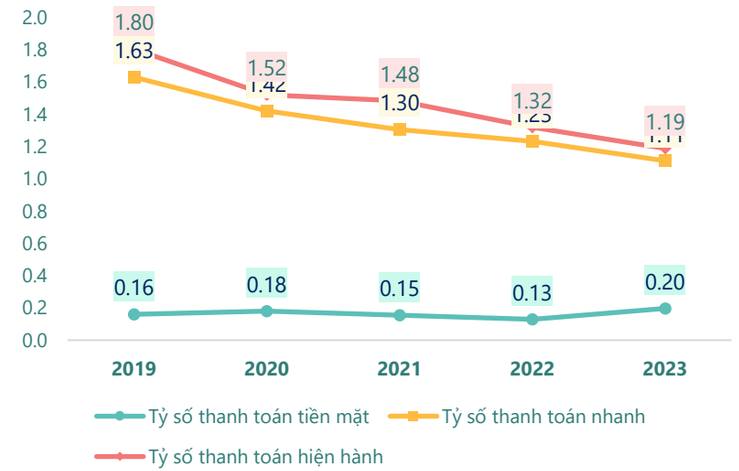
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



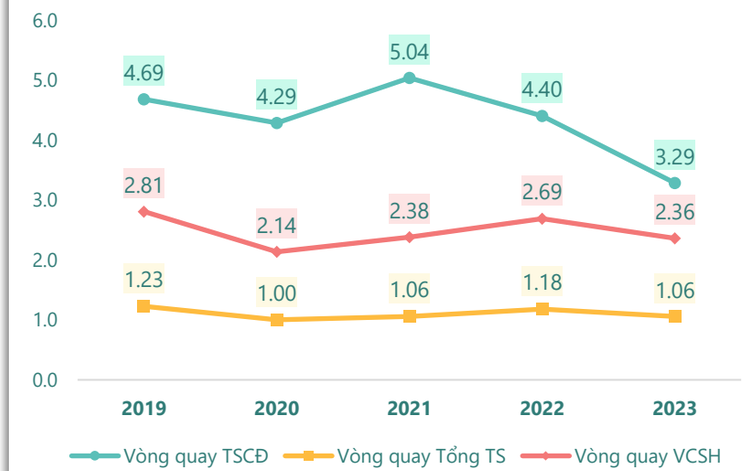
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



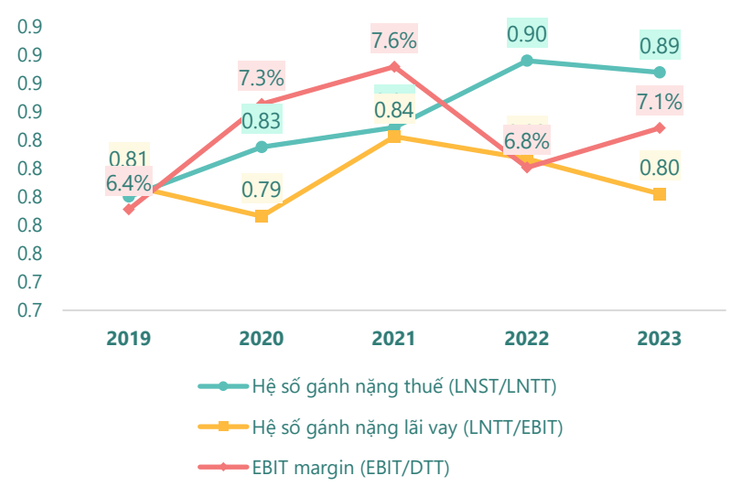
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



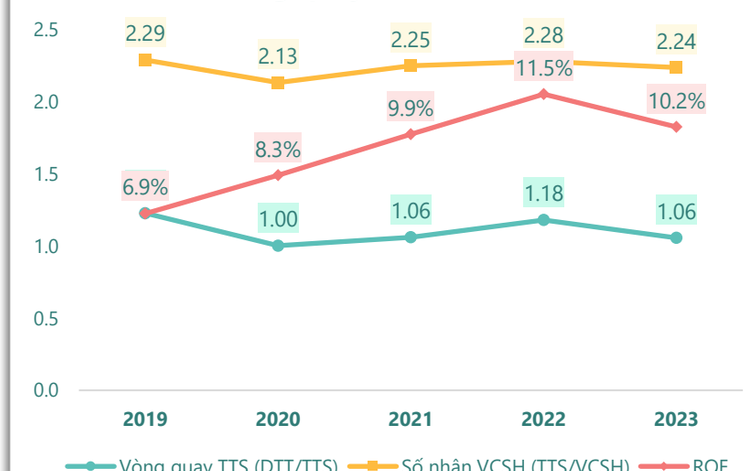
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



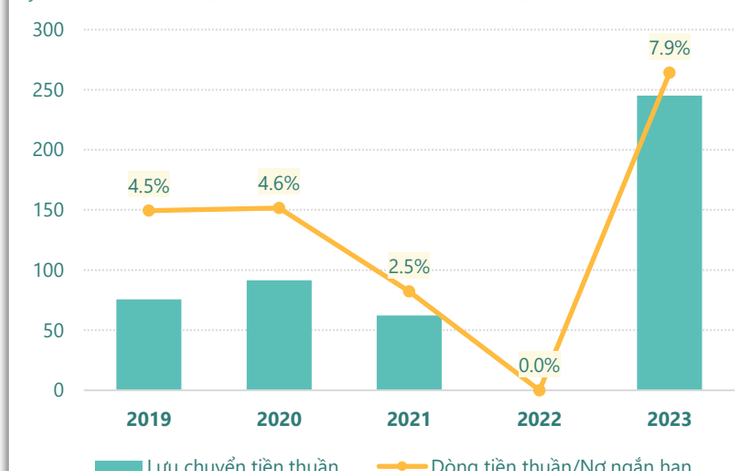
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,793**	**1,771**	**1.3%**	**3,461**	**3,602**	**-3.9%**
Giá vốn hàng bán	1,454	1,467	-0.9%	2,771	2,944	-5.9%
Lợi nhuận gộp	339	305	11.3%	690	658	4.9%
Doanh thu HĐTC	26.6	27.1	-1.8%	53.0	60.9	-13.0%
Chi phí TC	23.4	25.8	-9.1%	42.7	64.3	-33.7%
Chi phí lãi vay	18.2	20.5	-11.2%	27.0	51.8	-47.8%
LN trong công ty LKLD	**8.94**	**9.09**	**-1.6%**	**16.2**	**16.8**	**-3.2%**
Chi phí bán hàng	120	99.4	21.0%	273	284	-4.1%
Chi phí QLDN	**117**	**107**	**9.3%**	**240**	**222**	**7.9%**
LN thuần từ HĐKD	114	109	4.9%	204	165	23.8%
Lợi nhuận khác	**-1.85**	**0.98**	**-289%**	**-1.92**	**0.86**	**-322%**
LN trước thuế	113	110	2.3%	202	165	22.0%
Lợi nhuận sau thuế	**97.3**	**96.7**	**0.6%**	**169**	**146**	**15.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**83.2**	**83.9**	**-0.8%**	**138**	**127**	**9.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	117	25.1	-2.13	396	148	79.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.20	-389	76.8	-229	-41.9	-183
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-105	248	56.7	56.8	-211	67.7
Tiền đầu kỳ	372	371	253	393	609	511
Lưu chuyển tiền thuần	**6.18**	**-116**	**131**	**223**	**-105**	**-35.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	-6.79	-1.74	8.65	-8.27	7.19	0
Tiền cuối kỳ	371	253	393	609	511	475

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,304**	**7,279**	**0.3%**
Tài sản ngắn hạn	3,588	3,678	-2.5%
Tiền và tương đương tiền	475	609	-22.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,164	1,043	11.6%
Phải thu ngắn hạn	1,607	1,682	-4.5%
Hàng tồn kho	189	237	-20.0%
Tài sản ngắn hạn khác	152	107	42.4%
Tài sản dài hạn	**3,716**	**3,601**	**3.2%**
Phải thu dài hạn	32.1	35.2	-8.8%
Tài sản cố định	2,292	2,254	1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	857	839	2.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	73.4	86.0	-14.7%
Tài sản dài hạn khác	**460**	**387**	**19.1%**
Lợi thế thương mại	0.26	0.31	-15.8%
Nợ phải trả	3,863	4,006	-3.6%
Nợ ngắn hạn	**2,927**	**3,095**	**-5.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	771	949	-18.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	949	800	18.6%
Nợ dài hạn	936	910	2.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	858	820	4.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,441**	**3,274**	**5.1%**
Vốn chủ sở hữu	**3,441**	**3,274**	**5.1%**
Vốn điều lệ	1,904	1,900	0.2%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)